

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ QUYỂN 9

Chương 3: TRÍ UẨN

Phẩm 4: BÀN VỀ TU TRÍ, Phần 2

Hỏi: Nếu tu khổ trí thì cũng là tu tập trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có tu khổ trí mà không phải tập trí, thì nghĩa là lúc khổ pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được khổ trí hiện ở trước mắt.

2. Có tu tập trí mà không phải khổ trí, nghĩa là lúc tập pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được tập trí hiện ở trước mắt.

3. Có hai trí cùng tu, nghĩa là lúc đạo loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, lúc chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này có thể cùng tu cả hai trí.

4. Có hai trí cùng không tu, nghĩa là lúc diệt pháp-loại trí và đạo pháp trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, lúc ấy không phải là khổ-tập trí, lúc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, hay chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này hai trí cùng không tu. Tất cả lúc ấy là tâm ô nhiễm-tâm vô ký của phàm phu, cho đến vô tướng định-diệt tận định, vô tướng thiên và nhãn vô lậu.

Hỏi: Nếu tu khổ trí thì cũng tu diệt trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có tu khổ trí mà không phải là diệt trí, nghĩa là lúc khổ pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được khổ trí hiện ở trước mắt.

2. Có tu diệt trí mà không phải là khổ trí, nghĩa là lúc diệt pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được diệt trí hiện ở trước mắt.

3. Có hai trí cùng tu, nghĩa là lúc đạo loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này có thể cùng tu.

4. Có hai trí cùng không tu, nghĩa là lúc tập pháp-loại trí và đạo pháp trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, lúc ấy không phải là khổ diệt trí; lúc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này hai trí cùng không có tu. Tất cả là tâm ô nhiễm-tâm vô ký của phàm phu, cho đến vô tưởng định-diệt tận định, vô tưởng thiên và nhãn vô lậu.

Hỏi: Nếu tu khổ trí thì cũng là tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có tu khổ trí mà không phải là đạo trí, nghĩa là lúc khổ pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được khổ trí hiện ở trước mắt.

2. Có tu đạo trí mà không phải là khổ trí, nghĩa là lúc đạo pháp trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được đạo trí hiện ở trước mắt.

3. Có hai trí cùng tu, nghĩa là lúc đạo loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này có thể cùng tu cả hai trí.

4. Có hai trí cùng không tu, nghĩa là lúc tập-diệt-pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, lúc ấy không phải là khổ-đạo trí, lúc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc ấy hai trí cùng không tu; tất cả lúc ấy là tâm ô nhiễm-tâm vô ký của phàm phu, cho đến vô tưởng định-diệt tận định, vô tưởng thiên và nhãn vô lậu.

Hỏi: Nếu tu tập trí thì cũng là tu diệt trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có tu tập trí mà không phải là diệt trí, nghĩa là lúc tập pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được tập trí hiện ở trước mắt.

2. Có tu diệt trí mà không phải là tập trí, nghĩa là lúc diệt pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được diệt trí hiện ở trước mắt.

3. Có hai trí cùng tu, nghĩa là lúc đạo loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này có thể cùng tu hai trí.

4. Có hai trí cùng không tu, nghĩa là lúc khổ pháp-loại trí và đạo pháp trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích lúc đã đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, lúc ấy không phải là tập-diệt trí; lúc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, hay chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, khi đều cùng không tu; tất cả lúc ấy là tâm ô nhiễm-tâm vô ký của phàm phu, và vô tướng định-diệt tận định, vô tướng thiên và nhãn vô lậu.

Hỏi: Nếu tu tập trí thì cũng tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có tu tập trí mà không phải đạo trí, nghĩa là lúc tập pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được tập trí hiện ở trước mắt.

2. Có tu đạo trí mà không phải tập trí, nghĩa là lúc đạo pháp trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được đạo trí hiện ở trước mắt.

3. Có hai trí cùng tu, nghĩa là lúc đạo loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này có thể cùng tu hai trí.

4. Có hai trí cùng không tu, nghĩa là lúc khổ-diệt pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, đã đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, lúc ấy không phải là tập-đạo trí, lúc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, hoặc chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc ấy hai trí cùng không tu, tất cả lúc ấy là tâm ô nhiễm_tâm vô ký của phàm phu, cho đến vô tướng định-diệt tận định, vô tướng thiên và nhãn vô lậu.

Hỏi: Nếu tu diệt trí thì cũng tu đạo trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có tu diệt trí mà không phải là đạo trí, nghĩa là lúc diệt pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được diệt trí hiện ở trước mắt.

2. Có tu đạo trí mà không phải là diệt trí, nghĩa là lúc đạo pháp trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được đạo trí hiện ở trước mắt.

3. Có hai trí cùng tu, nghĩa là lúc đạo loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, hay chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, có khả năng đều cùng tu hai

trí.

4. Có hai trí cùng không tu, nghĩa là lúc khổ tập pháp-loại trí nhập hiện quán; A-la-hán học kiến tích, lúc đã đạt được trí vô lậu hiện ở trước mắt, lúc ấy không phải là diệt-đạo trí; lúc đã đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, hay chưa đạt được thế tục trí hiện ở trước mắt, lúc này hai trí cùng không tu; tất cả lúc ấy là tâm ô nhiễm_tâm vô ký của phàm phu cho đến vô tướng định-diệt tận định, vô tướng thiên và nhãn vô lậu.

Hỏi: Pháp trí cho đến đạo trí, ở trong tám trí, mỗi một trí duyên bao nhiêu trí?

Đáp: Pháp trí duyên bảy trí, trừ ra loại trí. Loại trí duyên bảy trí, trừ ra pháp trí. Tha tâm trí và thế tục trí đều cùng duyên tám trí. Khổ trí và tập trí đều duyên hai trí, đó là tha tâm trí và thế tục trí nào. Diệt trí không duyên trí. Đạo trí duyên bảy trí, trừ ra thế tục trí.

Hỏi: Pháp trí cho đến đạo trí, trí này và trí kia hưởng về nhau là bao nhiêu duyên?

Đáp: Pháp trí và pháp trí là bốn duyên; pháp trí và loại trí là ba duyên, trừ ra sở duyên; pháp trí và tha tâm trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì không phải là nhân đẳng vô gián; pháp trí và thế tục trí là ba duyên, trừ ra nhân; pháp trí và khổ-tập-diệt trí là ba duyên, trừ ra sở duyên; pháp trí và đạo trí là bốn duyên.

Loại trí và loại trí là bốn duyên; loại trí và tha tâm trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì phải là nhân đẳng vô gián; loại trí và thế tục là ba duyên; trừ ra nhân; loại trí và khổ-tập-diệt trí là ba duyên, trừ ra sở duyên; loại trí và đạo trí là bốn duyên; loại trí và pháp trí là ba duyên, trừ ra sở duyên.

Tha tâm trí và tha tâm trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì không phải là nhân đẳng vô gián; tha tâm trí và thế tục trí là bốn duyên; tha tâm trí và khổ trí-tập trí là bốn duyên, nếu cùng với khổ trí-tập trí làm nhân thì không phải sở duyên, nếu cùng với khổ trí-tập trí làm sở duyên thì không phải là nhân; tha tâm trí và diệt trí là ba duyên, trừ ra sở duyên; tha tâm trí và đạo trí-pháp trí-loại trí là bốn duyên.

Thế tục trí và thế tục trí là bốn duyên; thế tục trí và khổ trí-tập trí là ba duyên, trừ ra nhân; thế tục và diệt trí-đạo trí là hai duyên, đó là tăng thượng và đẳng vô gián; thế tục trí và pháp trí-loại trí là ba duyên,

trừ ra nhân; thế tục trí và tha tâm trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì không phải là nhân đẳng vô gián.

Khổ trí và khổ trí, cho đến tập trí-diệt trí là ba duyên, trừ ra sở duyên; khổ trí và đạo trí-pháp trí-loại trí là bốn duyên; khổ trí và tha tâm trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì không phải là nhân đẳng vô gián; khổ trí và thế tục trí là ba duyên, trừ ra nhân.

Tập trí và tập trí, cùng diệt trí là ba duyên, trừ ra sở duyên, tập trí và đạo trí-pháp trí loại trí là bốn duyên; tập trí và tha tâm trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì không phải là nhân đẳng vô gián; tập trí và thế tục trí là ba duyên, trừ ra nhân; tập trí và khổ trí là ba duyên, trừ ra sở duyên.

Diệt trí và diệt trí là ba duyên, trừ ra sở duyên; diệt trí và đạo trí-pháp trí-loại trí là bốn duyên; diệt trí và tha tâm trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì không phải là nhân đẳng vô gián; diệt trí và thế tục trí là ba duyên, trừ ra nhân; diệt trí và khổ trí-tập trí là ba duyên, trừ ra sở duyên.

Đạo trí và đạo trí, cùng pháp trí-loại trí là bốn duyên; đạo trí và tha trí là bốn duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm nhân đẳng vô gián thì không phải là sở duyên, nếu cùng với tha tâm trí làm sở duyên thì không phải là nhân đẳng vô gián; đạo trí và thế tục trí là ba duyên, trừ ra nhân; đạo trí và khổ trí-tập trí-diệt trí là ba duyên, trừ ra sở duyên.

Hỏi: Các kiết hệ thuộc cõi Dục, kiết đó do pháp trí đoạn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có kiết hệ thuộc cõi Dục mà không do pháp trí đoạn, nghĩa là kiết thuộc cõi Dục, hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn.

2. Có kiết do pháp trí đoạn mà không phải là hệ thuộc cõi Dục, nghĩa là kiết thuộc cõi Sắc-Vô sắc do pháp trí đoạn.

3. Có kiết hệ thuộc cõi Dục mà cũng do pháp trí đoạn, nghĩa là kiết thuộc cõi Dục do pháp trí đoạn.

4. Có kiết không phải hệ thuộc cõi Dục cũng không do pháp trí đoạn, nghĩa là kiết thuộc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn.

Hỏi: Các kiết hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, kiết ấy do loại trí đoạn chẳng?

Đáp: Các kiết do loại trí đoạn, kiết đó hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Có kiết hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc mà không do loại trí đoạn, nghĩa là kiết thuộc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn.

Hỏi: Các kiết do kiến khổ mà đoạn thì kiết đó do khổ trí mà đoạn chẳng?

Đáp: Các kiết do kiến khổ mà đoạn thì kiết đó không do khổ trí đoạn, hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn.

Hỏi: Nếu kiết do khổ trí đoạn thì kiết đó do kiến khổ mà đoạn chẳng?

Đáp: Các kiết do khổ trí đoạn, sự trói buộc của kiết đó không do kiến khổ mà đoạn, là do kiến tu mà đoạn.

Hỏi: Các kiết do kiến tập-diệt-đạo mà đoạn, kiết đó do tập-diệt-đạo trí đoạn chẳng?

Đáp: Các kiết do kiến tập diệt-đạo mà đoạn, kiết đó không do tập-diệt-đạo trí đoạn, hoặc nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn.

Hỏi: Nếu kiết do tập-diệt-đạo trí đoạn thì kiết đó do kiến tập diệt-đạo mà đoạn chẳng?

Đáp: Các kiết do tập-diệt-đạo trí đoạn, kiết đó không do kiến tập-diệt-đạo mà đoạn, là do tu mà đoạn.

Hỏi: Các kiết do pháp trí đoạn, kiết đó diệt do pháp trí tác chứng chẳng?

Đáp: Các kiết do pháp trí đoạn, kiết đó diệt do pháp trí tác chứng.

Có kiết diệt do pháp trí tác chứng mà kiết đó không do pháp trí đoạn, nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, kiết đó diệt do pháp trí tác chứng.

Hỏi: Các kiết do loại trí đoạn, kiết đó diệt do loại trí tác chứng chẳng?

Đáp: Các kiết do loại trí đoạn, kiết đó diệt do loại trí tác chứng.

Có kiết diệt do loại trí tác chứng mà kiết đó không do loại trí đoạn, nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, kiết đó diệt do loại trí tác chứng.

Hỏi: Các kiết do khổ trí đoạn, kiết đó diệt do khổ trí tác chứng chẳng?

Đáp: Các kiết do khổ trí đoạn, kiết đó diệt do khổ trí tác chứng.

Có kiết diệt do khổ trí tác chứng mà kiết đó không do khổ trí đoạn, nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, kiết đó diệt do khổ trí tác chứng.

Hỏi: Các kiết do tập diệt-đạo trí đoạn, kiết đó diệt do tập diệt-đạo trí tác chứng chăng?

Đáp: Các kiết do tập diệt-đạo trí đoạn, kiết đó diệt do tập diệt-đạo trí tác chứng.

Có kiết diệt do tập-diệt-đạo trí tác chứng mà kiết đó không do tập diệt-đạo trí đoạn, nghĩa là hoặc do nhãn đoạn, hoặc trí khác đoạn, kiết đó diệt do tập diệt-đạo trí tác chứng.

Hỏi: Nhãn căn cho đến tùy miên vô minh do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, ở trong mười trí có bao nhiêu trí biết?

Đáp: Nhãn căn có bảy trí biết, trừ ra tha tâm-diệt-đạo trí. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân, mạng căn cũng vậy.

Nữ căn có sáu trí biết, trừ ra loại, tha tâm-diệt-đạo trí. Nam căn cũng vậy.

Ý căn có chín trí biết, trừ ra diệt trí. Lạc-hỷ-xả, năm căn như tín... cũng vậy.

Khổ căn có bảy trí biết, trừ ra loại-diệt-đạo trí. Ưu căn cũng vậy.

Ba căn vô lậu có bảy trí biết, trừ ra khổ-tập-diệt trí. Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân, sắc, thanh-xúc giới có bảy trí biết, trừ ra tha tâm-diệt-đạo trí. Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân, sắc-thanh-xúc xứ-sắc thủ uẩn, năm giới trước, pháp hữu kiến, hữu đối cũng vậy.

Hương, vị giới có sáu trí biết, trừ ra loại-tha tâm-diệt-đạo trí. Hương-vị-xứ cũng vậy. Nhãn-nhĩ-thân thức giới có tám trí biết, trừ ra diệt-đạo trí. Bốn thủ uẩn sau, thức giới, pháp hữu lậu, vô ký, pháp do kiến tu đoạn cũng vậy. Tỷ-thiệt-thức giới có bảy trí biết, trừ ra loại, diệt-đạo trí. Bất thiện, pháp hệ thuộc cõi Dục cũng vậy.

Ý giới-ý thức giới có chín trí biết, trừ ra diệt trí. Ý xứ, bốn uẩn sau pháp hữu vi, pháp quá khứ-vị lai-hiện tại cũng vậy.

Pháp giới có mười trí biết; pháp xứ và pháp vô sắc-vô kiến-vô đối cùng pháp thiện cũng vậy.

Sắc uẩn có tám trí biết, trừ ra tha tâm-diệt trí. Pháp có sắc cũng vậy.

Pháp vô lậu có tám trí biết, trừ ra khổ-tập trí. Pháp không có đoạn cũng vậy.

Pháp vô vi có sáu trí biết, trừ ra tha tâm- khổ-tập-đạo trí.

Pháp hệ thuộc cõi Sắc có bảy trí biết, trừ ra pháp-diệt-đạo trí.

Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc có sáu trí biết, trừ ra pháp-tha tâm-diệt-đạo trí.

Pháp học, vô học có bảy trí biết, trừ ra khổ-tập-diệt trí. Pháp phi học phi vô học, có chín trí biết, trừ ra đạo trí. Khổ-tập đế có tám trí biết, trừ ra diệt-đạo trí. Thế tục trí, ba lớp Tam-ma-địa cũng vậy.

Diệt đế có sáu trí biết, trừ ra tha tâm-khổ-tập, đạo trí.

Đạo đế có bảy trí biết, trừ ra khổ-tập-diệt trí. Khổ-tập-diệt-đạo trí, ba Tam-ma-địa cũng vậy.

Bốn tĩnh lực có chín trí biết, trừ ra diệt trí. Tha tâm trí cũng vậy.

Bốn vô lượng có bảy trí biết, trừ ra pháp-diệt-đạo trí. Ba giải thoát đầu, tám thắng xứ, tám biến xứ trước cũng vậy.

Ba vô sắc sau có bảy trí biết, trừ ra pháp-tha tâm-diệt trí. Giải thoát thứ tư-thứ năm-thứ sáu cũng vậy.

Vô sắc thứ tư có sáu trí biết, trừ ra pháp-tha tâm-diệt-đạo trí. Giải thoát thứ bảy- thứ tám hai biến xứ sau cũng vậy.

Pháp trí có sáu trí biết, trừ ra loại-khổ-tập-diệt trí.

Loại trí có sáu trí biết, trừ ra pháp-khổ-tập-diệt trí.

Ba kiết có tám trí biết, trừ ra diệt-đạo trí. Vô minh lậu, kiến-vô minh bộc lưu-ách, kiến giới cầm thủ, hai trói buộc thân sau trong bốn trói buộc thân, kiết tham-mạn, ba kiết sau trong năm kiết thuận phần dưới, năm kiến, nhãn-nhĩ-thân-ý xúc sinh ra ái thân bốn tùy miên sau trong bảy tùy miên, kiết ái-mạn-vô minh-kiến-thủ-nghi cũng như vậy.

Ba căn bất thiện có bảy trí biết, trừ ra ba loại-diệt-đạo trí. Dục lậu-bộc lưu-ách-thủ, hai trói buộc thân trước trong bốn trói buộc thân, năm cái, kiết giận dữ-ganh ty-keo kiệt, hai kiết trước trong năm kiết thuận phần dưới, tử-thiệt xúc sinh ra ái thân, tùy miên dục tham-giận dữ, kiết giận dữ-ganh ty-keo kiệt cũng như vậy.

Hữu lậu có bảy trí biết, trừ ra pháp-diệt-đạo trí. Hữu bộc lưu-ách, ngã ngữ thủ, trừ ra tham vô sắc còn lại bốn kiết thuận phần trên, tùy miên hữu tham cũng như vậy.

Hữu lậu có bảy trí biết, trừ ra pháp-diệt-đạo trí. Ách bộc lưu hữu, ngã ngữ thủ, trừ ra tham vô sắc, bốn ách còn lại, kiết thuận phần trên, tùy miên hữu tham cũng vậy.

Tham vô sắc có sáu trí biết, trừ ra pháp, tha tâm-diệt-đạo trí.

Ba mươi sáu tùy miên thuộc cõi Dục có bảy trí biết, trừ ra loại, diệt-đạo trí.

Ba mươi một tùy miên thuộc cõi Sắc có bảy trí biết, trừ ra pháp-

diệt-đạo trí.

Ba mươi một tùy miên thuộc cõi Vô sắc có sáu trí biết, trừ ra pháp-tha tâm-diệt-đạo trí.

Hỏi: Như nói rõ về tướng vô thường, hoặc là tập, hoặc là tu, hoặc nhiều điều thực hành, có công năng loại trừ ra tất cả tham dục-tham sắc-tham vô sắc, trạo cử, ngã mạn, vô minh. Tướng này nên nói có bao nhiêu tướng ứng?

Đáp: Nên nói, có năng lực loại trừ tham dục thì tương ứng với pháp trí, khổ trí. Có năng lực loại trừ tham Sắc-Vô sắc thì tương ứng với loại trí, khổ trí. Có năng lực loại trừ trạo cử, ngã mạn, vô minh thì tương ứng với pháp trí-loại trí và khổ trí.

Hỏi: Tướng này nên nói có tâm có tứ, không có tâm-chỉ có từ hay không có tâm, không có tứ chẳng?

Đáp: Nên nói, có năng lực loại trừ tham dục, là có tâm-có tứ. Có năng lực loại trừ tham Sắc-Vô sắc, trạo cử- mạn-vô minh, là hoặc có tâm-có tứ, hoặc không có tâm chỉ có tứ, hoặc không có tâm, không có tứ.

Hỏi: Tướng này nên nói có bao nhiêu căn tương ứng?

Đáp: Nên nói, có năng lực loại trừ tham sắc, tham vô sắc, trạo cử-mạn-vô minh thì tương ứng với lạc-hỷ-xả căn. Có năng lực loại trừ tham dục thì tương ứng với xả căn.

Hỏi: Tướng này nên nói Không, Vô nguyện, Vô tướng đều cùng có chẳng?

Đáp: Nên nói Vô nguyện đều cùng có.

Hỏi: Tướng này nên nói duyên hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Nên nói, có năng lực loại trừ tham dục thì duyên hệ thuộc cõi Dục. Có năng lực loại trừ tham sắc thì duyên hệ thuộc cõi Sắc. Có năng lực loại trừ tham vô sắc thì duyên hệ thuộc cõi Vô sắc. Có năng lực loại trừ ra trạo cử-mạn-vô minh thì duyên hệ thuộc nơi ba cõi.

Như nói về bảy xứ thiện- quán ba nghĩa, năng lực ở trong pháp Tỳ-nại-da này, nhanh chóng trừ hết các lậu.

Hỏi: Thế nào là bảy?

Đáp: Nghĩa là biết như thật về sắc, sắc tập, sắc diệt, hướng đến hành sắc diệt, sắc vị, sắc hoạn, sắc xuất.

Biết như thật về thọ-tướng-hành-thức có bảy thứ (tập-diệt, vị, hoạn, xuất v.v...) cũng vậy.

Hỏi: Trí này nên nói là pháp trí cho đến đạo trí chẳng?

Đáp: Nên nói, biết như thật về sắc là bốn trí, đó là pháp-loại-thế

tục-khổ trí.

Biết như thật về sắc tập là bốn trí, tức là pháp-loại-thế tục-tập trí.

Biết như thật về sắc diệt là bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục-diệt trí

Biết như thật về hương đến hành sắc diệt là bốn trí, tức là pháp-loại-thế tục-đạo trí.

Biết như thật về sắc vị là bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục-tập trí.

Biết như thật về sắc hoạn là bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục-khổ trí.

Biết như thật về sắc xuất là bốn trí, đó là pháp-loại-thế tục-diệt trí.

Biết như thật về thọ-tưởng-hành-thức có bảy thứ cũng vậy.

Hỏi: Sắc cho đến thức diệt, sắc cho đến thức xuất có gì sai biệt?

Đáp: Nếu do ái này, các sắc tập khởi lên, ái kia đoạn thì gọi là sắc diệt. Nếu các ái khác duyên vào sắc rộng thêm, ái kia đoạn thì gọi là sắc xuất. Lại nữa, nếu do nghiệp phiền não này, các sắc tập khởi, khởi lên, ái kia đoạn thì gọi là sắc diệt. Nếu nghiệp phiền não còn lại, duyên vào sắc nhiều lên ái kia đoạn thì gọi là sắc xuất. Vả lại, nếu do ái này và nghiệp phiền não, các sắc tập khởi lên, ái kia đoạn thì gọi là sắc diệt. Nếu các ái khác và nghiệp phiền não duyên vào sắc rộng thêm, thì việc đoạn ái kia gọi là sắc xuất. Thọ-tưởng-hành-thức với diệt, xuất cũng vậy. Đó gọi là sự sai biệt.

Phẩm 5: BÀN VỀ BẢY THÁNH, Phần 1

*Bảy Thánh đối với năm phẩm đức,
Hai thành tựu có ba hiện tại,
Sự tương ứng đối với bốn môn,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Tùy tín hành cho đến câu giải thoát, đối với tám trí này có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành đối với tám trí, hoặc thành tựu một-hai-ba-bốn-năm-sáu-bảy-tám. Nghĩa là lúc khổ-pháp trí nhãn, không có tha tâm trí là một, có tha tâm trí là hai. Lúc khổ pháp trí và khổ loại trí nhãn, không có tha tâm trí là ba, có tha tâm trí là bốn. Lúc khổ loại trí tập pháp trí nhãn, không có tha tâm trí là bốn, có tha tâm trí là năm. Lúc tập pháp trí cho đến diệt pháp trí nhãn, không có tha tâm trí là năm, có tha tâm trí là sáu. Lúc diệt pháp trí cho đến đạo pháp trí nhãn, không có tha tâm trí là sáu, có tha tâm trí là bảy. Lúc đạo pháp trí đạo và loại trí nhãn, không có tha tâm trí là bảy, có tha tâm trí là tám. Tùy pháp hành cũng vậy.

Tín thắng giải đối với tám trí, hoặc thành tựu bảy, tám, tức là không có tha tâm trí là bảy, có tha tâm trí là tám. Kiến chí cũng vậy. Thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát, đối với tám trí đều thành tựu.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến câu giải thoát, đối với tám trí thành tựu bao nhiêu quá khứ-vị lai-hiện tại?

Đáp: Tùy tín hành đối với tám trí, lúc khổ-pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có một, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có hai, hiện tại không có. Lúc khổ pháp trí, không có tha tâm trí thì quá khứ có một, vị lai có ba, hiện tại có hai, có tha tâm trí thì quá khứ có hai, vị lai có bốn, hiện tại có hai.

Lúc khổ-loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có ba, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có bốn, hiện tại không có. Lúc khổ-loại trí không hợp nhận, không có tha tâm trí thì quá khứ có ba, vị lai có bốn, hiện tại có hai, có tha tâm trí thì quá khứ có bốn, vị lai có năm, hiện tại có hai.

Lúc tập-pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có bốn, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có năm, hiện tại không có. Lúc tập pháp trí, không có tha tâm trí thì quá khứ có bốn, vị lai có năm, hiện tại có hai, có tha tâm trí thì quá khứ có năm, vị lai có sáu, hiện tại có hai.

Lúc tập-loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có năm, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có sáu, hiện tại không có. Lúc tập loại trí không hợp nhận, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có năm, hiện tại có hai, có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có sáu, hiện tại có hai.

Lúc diệt-pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có năm, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có sáu, hiện tại không có. Lúc diệt pháp trí không hợp nhận, không có tha tâm trí thì quá khứ có năm, vị lai có sáu, hiện tại có hai, có tha tâm trí thì quá khứ có sáu, vị lai có bảy, hiện tại có hai.

Lúc diệt-loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có sáu, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có bảy, hiện tại không có. Lúc diệt loại trí không hợp nhận, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có sáu, hiện tại có hai, có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có bảy, hiện tại có hai.

Lúc đạo-pháp trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có sáu, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có bảy, hiện tại không có. Lúc đạo-pháp trí không hợp nhận, không có tha tâm trí thì quá khứ có sáu, vị lai có bảy, hiện tại có hai, có tha tâm trí thì quá khứ có bảy, vị lai có tám, hiện tại có hai.

Lúc đạo-loại trí nhãn, không có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có bảy, hiện tại không có; có tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có tám, hiện tại không có. Tùy pháp hành cũng vậy.

Tín thắng giải đối với tám trí không có tha tâm trí thì vị lai có bảy, có tha tâm trí thì vị lai có tám, quá khứ nếu đã diệt mà không mất, hiện tại nếu hiện ở trước mắt.

Kiến chí cũng vậy.

Thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát đối với tám trí, đều là vị lai có tám, quá khứ nếu đã diệt, không mất, hiện tại nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến câu giải thoát, pháp trí cho đến đạo trí, lúc hiện ở trước mắt có bao nhiêu trí hiện ở trước mắt?

Đáp: Tùy tín hành lúc pháp trí hiện ở trước mắt có hai trí hiện ở trước mắt, đó là pháp-khổ trí là hai, pháp-tập trí là hai, pháp-diệt trí là hai, pháp-đạo trí là hai.

Lúc loại trí hiện ở trước mắt có hai trí hiện ở trước mắt, đó là loại-khổ trí là hai, loại, tập trí hai, loại, diệt trí hai.

Lúc khổ trí hiện ở trước mắt có hai trí hiện ở trước mắt, đó là khổ-

pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai.

Lúc tập trí hiện ở trước mắt, có hai trí hiện ở trước mắt, đó là tập-pháp trí là hai, tập-loại trí là hai.

Lúc diệt trí hiện ở trước mắt có hai trí hiện ở trước mắt, đó là diệt-pháp trí là hai, diệt-loại trí là hai.

Lúc đạo trí hiện ở trước mắt có hai trí hiện ở trước mắt, đó là đạo-pháp trí là hai. Tùy pháp hành cũng như vậy.

Lúc đối với tín thắng giải, pháp trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt, đó là pháp-khổ trí là hai, pháp-tập trí hai, pháp-diệt trí hai, pháp-đạo trí, không phải tha tâm trí là hai, pháp-đạo trí và tha tâm trí ba.

Lúc loại trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt, đó là loại-khổ trí là hai, loại-tập trí hai, loại-diệt trí hai, loại-đạo trí, không phải tha tâm trí là hai, loại-đạo trí và tha tâm trí là ba.

Khi tha tâm trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt, nghĩa là tha tâm trí, thế tục trí là hai, tha tâm, đạo-pháp trí là ba, tha tâm-đạo-loại trí là ba.

Lúc thế tục trí hiện ở trước mắt, hoặc một, hai trí hiện ở trước mắt, đó là thế tục trí, không có tha tâm trí một, thế tục trí có tha tâm trí là hai.

Lúc khổ trí hiện ở trước mắt có hai trí hiện ở trước mắt, đó là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai.

Lúc tập trí hiện ở trước mắt, có hai trí hiện ở trước mắt, đó là tập-pháp trí là hai, tập-loại trí là hai.

Lúc diệt trí hiện ở trước mắt có hai trí hiện ở trước mắt, nghĩa là diệt-pháp trí là hai, diệt-loại trí là hai.

Lúc đạo trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai, ba trí hiện ở trước mắt, đó là đạo-pháp trí không có tha tâm trí là hai, đạo-pháp trí có tha tâm trí ba; đạo-loại trí, không có tha tâm trí là hai, đạo-loại trí có tha tâm trí là ba. Kiến chí và thân chứng cũng như vậy.

Lúc đối với tuệ giải thoát, pháp trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt, đó là pháp-khổ trí có phải tận-vô sinh trí là hai, pháp-khổ trí, tận-vô sinh trí là ba; pháp-tập trí không có tận-vô sinh trí là hai, pháp-tập trí có tận-vô sinh trí là ba; pháp-diệt trí, không có tận-vô sinh trí là hai, pháp-diệt trí, tận-vô sinh trí là ba; pháp-đạo trí, không có tận-vô sinh trí, tha tâm trí là hai, pháp-đạo trí có tận-vô sinh trí, hoặc tha tâm trí ba.

Lúc loại trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt,

loại-khổ trí, không có tận-vô sinh trí là hai, loại-khổ trí, tận-vô sinh trí là ba. Loại, tập trí, không có tận-vô sinh trí là hai, loại, tập trí có tận-vô sinh trí là ba. Loại, diệt trí, không có tận-vô sinh trí là hai, loại, diệt trí có tận-vô sinh trí là ba. Loại, đạo trí, không có tận-vô sinh trí, tha tâm trí là hai, loại, đạo trí có tận-vô sinh trí, hoặc tha tâm trí ba.

Lúc tha tâm trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt. Tha tâm trí, thế tục trí hai, tha tâm trí, đạo trí, pháp trí ba; tha tâm trí-đạo-loại trí là ba.

Lúc thế tục trí hiện ở trước mắt, hoặc có một-hai trí hiện ở trước mắt. Thế tục trí không có tha tâm trí một; thế tục trí có tha tâm trí là hai.

Lúc khổ trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt. Khổ-pháp trí, không có tận-vô sinh trí là hai, khổ-pháp trí có tận-vô sinh trí là ba. Khổ-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, khổ-loại trí, tận-vô sinh trí là ba.

Lúc tập trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt. Tập-pháp trí không có tận-vô sinh trí là hai, tập-pháp trí có tận-vô sinh trí là ba, tập-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, tập-loại trí, tận-vô sinh trí là ba.

Lúc diệt trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt. Diệt-pháp trí, không có tận-vô sinh trí là hai, diệt-pháp trí, tận-vô sinh trí là ba, diệt-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, diệt-loại trí có tận-vô sinh trí là ba.

Lúc đạo trí hiện ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện ở trước mắt. Đạo-pháp trí, không có tận-vô sinh trí-tha tâm trí là hai, đạo-pháp trí có tận-vô sinh trí, hoặc tha tâm trí ba; đạo-loại trí không có tận-vô sinh trí-tha tâm trí là hai, đạo-loại trí, có tận-vô sinh trí, hoặc tha tâm trí ba.

Câu giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Tùy tín hành đến câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Đáp: Tùy tín hành đối với ba Tam-ma-địa, diệt-pháp trí nhẫn chưa sinh thì thành tựu hai, đã sinh thì thành tựu ba. Tùy pháp hành cũng vậy.

Tín thắng giải cho đến câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa đều thành tựu.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa thành tựu bao có nhiều quá khứ-vị lai-hiện tại?

Đáp: Tùy tín hành đối với ba Tam-ma-địa nếu dựa vào không,

nhập chánh tánh ly sinh, lúc khổ pháp trí nhãn thì quá khứ không có, vị lai có hai, hiện tại có một.

Khổ pháp trí khi tập pháp trí nhãn thì quá khứ có một, vị lai có hai, hiện tại có một.

Tập pháp trí cho đến lúc tập loại trí thì quá khứ-vị lai có hai, hiện tại có một.

Diệt pháp trí cho đến lúc thì quá khứ có hai, vị lai có ba, hiện tại có một.

Diệt pháp trí cho đến lúc đạo loại trí thì quá khứ-vị lai có ba, hiện tại có một.

Nếu dựa vào Vô nguyện, nhập chánh tánh ly sinh thì lúc khổ pháp trí nhãn quá khứ không có, vị lai có hai, hiện tại có một.

Khổ pháp trí cho đến lúc tập loại trí thì quá khứ có một, vị lai có hai, hiện tại có một.

Lúc diệt pháp trí nhãn thì quá khứ có một, vị lai có ba, hiện tại có một.

Diệt pháp trí cho đến lúc đạo loại trí thì quá khứ có hai, vị lai có ba, hiện tại có một. Tùy pháp hành cũng như vậy.

Tín thắng giải cho đến câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa, đều là vị lai ba, quá khứ nếu đã diệt không mất, hiện tại nếu hiện ở trước mắt.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến câu giải thoát, lúc Tam-ma-địa Không, Vô nguyện, vô tướng, hiện ở trước mắt, có bao nhiêu trí hiện ở trước mắt.

Đáp: Tùy tín hành lúc Tam-ma-địa Không hiện ở trước mắt, hoặc hai, hoặc không có trí hiện ở trước mắt, nghĩa là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai, lúc hai nhãn không có. Lúc Tam-ma-địa Vô nguyện hiện ở trước mắt, hoặc có hai, hoặc không có, nghĩa là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai, tập-pháp trí là hai, tập-loại trí là hai, đạo-pháp trí là hai, lúc sáu nhãn là không có. Lúc Tam-ma-địa Vô tướng hiện ở trước mắt, hoặc có hai, hoặc không có, nghĩa là diệt-pháp trí là hai, diệt-loại trí là hai, lúc hai nhãn không có. Tùy pháp hành cũng như vậy.

Tín thắng giải lúc Tam-ma-địa không hiện ở trước mắt, có hai trí hiện ở trước mắt, nghĩa là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai. Lúc Tam-ma-địa Vô nguyện hiện ở trước mắt, hoặc hai, hoặc ba trí, nghĩa là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai, tập-pháp trí là hai, tập-loại trí là hai, đạo-pháp trí, không phải tha tâm trí là hai, đạo-pháp trí, tha tâm trí ba; đạo-loại trí, không có tha tâm trí là hai, đạo-loại trí, tha tâm trí

ba. Lúc Tam-ma-địa vô tướng hiện ở trước mắt, có hai trí hiện ở trước mắt, nghĩa là diệt-pháp trí là hai, diệt-loại trí là hai. Kiến chí và thân chứng cũng vậy.

Tuệ giải thoát lúc Tam-ma-địa Không hiện ở trước mắt, có hai trí hiện ở trước mắt, đó là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai.

Lúc Tam-ma-địa Vô nguyện hiện ở trước mắt, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước mắt, nghĩa là khổ-pháp trí, không có tận-vô sinh trí là hai, khổ-pháp trí, tận-vô sinh trí là ba, khổ-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, khổ-loại trí, tận-vô sinh trí là ba. Tập-pháp trí, không có tận-vô sinh trí là hai, tập-pháp trí, tận-vô sinh trí là ba. Tập-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, tập-loại trí, tận-vô sinh trí là ba. Đạo-pháp trí, không có tận-vô sinh trí, tha tâm trí là hai, đạo-pháp trí, tận-vô sinh trí, hoặc tha tâm trí ba, đạo-loại trí, không có tận-vô sinh trí, tha tâm trí là hai, đạo-loại trí, tận-vô sinh trí, hoặc tha tâm trí ba.

Lúc Tam-ma-địa Vô tướng hiện ở trước mắt, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước mắt, nghĩa là diệt-pháp trí không có tận-vô sinh trí là hai, diệt-pháp trí, tận-vô sinh trí là ba. Diệt-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, diệt-loại trí, tận-vô sinh trí là ba. Câu giải thoát cũng vậy.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến câu giải thoát, lúc ba căn vô lậu, bảy giác chi, tám đạo chi, thuận theo thích hợp hiện ở trước mắt, có bao nhiêu trí hiện ở trước mắt?

Đáp: Tùy tín hành khi vị trí, đương tri căn hiện ở trước mắt, hoặc có hai, hoặc không có trí hiện ở trước mắt, nghĩa là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai, tập-pháp trí là hai, tập-loại trí là hai, diệt-pháp trí là hai, diệt-loại trí là hai, đạo-pháp trí là hai, lúc tám nhãn là không có. Bảy giác chi và tám đạo chi, lúc hiện ở trước mắt cũng vậy. Như tùy tín hành, tùy pháp hành cũng vậy.

Tín thắng giải lúc dĩ tri căn hiện ở trước mắt, hoặc có hai, hoặc ba trí hiện ở trước mắt, nghĩa là khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai, tập-pháp trí là hai, tập-loại trí là hai, diệt-pháp trí là hai, diệt-loại trí là hai, đạo-pháp trí, không có tha tâm trí là hai, đạo-pháp trí có tha tâm trí là ba; đạo-loại trí, không có tha tâm trí là hai, đạo-loại trí có tha tâm trí là ba.

Lúc bảy giác chi và tám đạo lúc chi hiện ở trước mắt cũng vậy. Như tín thắng giải, kiến chí và thân chứng cũng vậy.

Tuệ giải thoát lúc cụ tri căn hiện ở trước mắt, hoặc hai, hoặc ba trí hiện ở trước mắt, nghĩa là khổ-pháp trí, không có tận-vô sinh trí là hai, khổ-pháp trí, tận-vô sinh trí là ba; khổ-loại trí, không có tận-vô sinh trí

là hai, khổ-loại trí, tận-vô sinh trí là ba. Tập-pháp trí, không có tận-vô sinh trí là hai, tập-pháp trí, tận-vô sinh trí là ba; tập-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, tập-loại trí, tận-vô sinh trí là ba. Diệt-pháp trí, không có tận-vô sinh trí là hai, diệt-pháp trí, tận-vô sinh trí là ba; diệt-loại trí, không có tận-vô sinh trí là hai, diệt-loại trí, tận-vô sinh trí là ba. Đạo-pháp trí không có tận-vô sinh trí, tha tâm trí là hai, đạo-pháp trí, tận-vô sinh trí, hoặc tha tâm trí ba. Đạo-loại trí không có tận-vô sinh trí, tha tâm trí là hai, đạo-loại trí, tận-vô sinh trí, không phải tha tâm trí ba; đạo-loại trí, tha tâm trí, không có tận-vô sinh trí là ba. Bảy giác chi và bảy đạo chi cũng vậy.

Lúc Chánh kiến hiện ở trước mắt, hoặc có hai, hoặc ba trí hiện ở trước mắt. Khổ-pháp trí là hai, khổ-loại trí là hai, tập-pháp trí là hai, tập-loại trí là hai, diệt-pháp trí là hai, diệt-loại trí là hai, đạo-pháp trí, không có tha tâm trí là hai, đạo-pháp trí, tha tâm trí ba; đạo-loại trí, không phải tha tâm trí là hai, đạo-loại trí có tha tâm trí ba. Như tuệ giải thoát, câu giải thoát cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với pháp trí, thì pháp đó tương ứng với loại trí chăng?

Đáp: Không phải như thế.

Hỏi: Nếu các pháp tương ứng với loại trí, thì pháp đó tương ứng với pháp trí chăng?

Đáp: Không phải như thế.

Đối với thế tục trí cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với pháp trí, thì pháp đó tương ứng với tha tâm trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với pháp trí mà không phải là tha tâm trí, nghĩa là tha tâm vốn không thuộc về pháp tương ứng với pháp trí.

2. Có pháp tương ứng với tha tâm trí mà không phải pháp trí, nghĩa là pháp trí vốn không thuộc về pháp tương ứng với tha tâm trí.

3. Có pháp tương ứng với pháp trí, cũng tương ứng với tha tâm trí, nghĩa là pháp trí thâm nhiếp pháp tương ứng với tha tâm trí.

4. Có pháp không tương ứng với pháp trí, cũng không tương ứng với tha tâm trí, đó là pháp trí không thâm nhiếp tha tâm trí, và tha tâm trí không thâm nhiếp pháp trí. Pháp trí và tha tâm trí không tương ứng với các tâm, tâm sở pháp cùng sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành. Đối với khổ-tập-diệt-đạo trí và Chánh kiến cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với pháp trí, thì pháp đó tương ứng với

Tam-ma-địa Không chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với pháp trí mà Không phải là Không, đó là pháp trí tương ứng với Không và Không chẳng tương ứng với pháp tương ứng của pháp trí.

2. Có pháp tương ứng với Không mà không phải là pháp trí, nghĩa là Không tương ứng với pháp trí và pháp trí không tương ứng với pháp tương ứng của Không.

3. Có pháp tương ứng với pháp trí, cũng tương ứng với không, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với pháp trí, cũng không tương ứng với Không, đó là pháp trí không tương ứng với Không, và Không cũng không tương ứng với pháp trí. Pháp trí và Không không thấu nhiếp, không tương ứng với các tâm, tâm sở pháp cùng sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Đối với Vô nguyện, Vô tướng, Hỷ giác chi, chánh tư duy cũng vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với pháp trí, thì pháp đó tương ứng với vị tri, đương tri căn chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với pháp trí mà không phải là vị tri-đương tri căn, nghĩa là vị tri-đương tri căn vốn không thuộc về pháp tương ứng với pháp trí.

2. Có pháp tương ứng với vị tri, đương tri căn mà không phải là pháp trí, đó là vị tri-đương tri căn đã thấu nhiếp pháp trí, và pháp trí không thấu nhiếp, không tương ứng với pháp tương ứng của vị tri-đương tri căn.

3. Có pháp tương ứng với pháp trí cũng tương ứng với vị tri-đương tri căn, nghĩa là vị tri-đương tri căn đã thấu nhiếp pháp tương ứng với pháp trí.

4. Có pháp không tương ứng với pháp trí, cũng không tương ứng với vị tri-đương tri căn, vị tri-đương tri căn vốn không thấu nhiếp pháp trí, và pháp trí cùng vị tri-đương tri căn không thấu nhiếp không tương ứng với, các tâm-tâm sở pháp, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Đối với dĩ tri căn và cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với pháp trí, thì pháp đó tương ứng với Niệm giác chi chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với pháp trí, không phải Niệm giác chi,

nghĩa là pháp trí tương ứng với Niệm giác chi.

2. Có pháp tương ứng với Niệm giác chi mà không phải pháp trí, đó là pháp trí và pháp trí không tương ứng với pháp tương ứng của Niệm giác chi.

3. Có pháp tương ứng với pháp trí, cũng tương ứng với Niệm giác chi, nghĩa là hai pháp tương ứng.

4. Có pháp không tương ứng với pháp trí, cũng không tương ứng với Niệm giác chi, đó là pháp trí không tương ứng với Niệm giác chi và các tâm-tâm sở pháp cùng sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Đối với Tinh tiến-Khinh an-Định-xả, giác tri Chánh tinh tiến-Chánh niệm- Chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với pháp trí, thì pháp đó tương ứng với Trạch pháp giác chi chăng?

Đáp: Các pháp tương ứng với pháp trí, cũng tương ứng với Trạch pháp giác chi . Có pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi mà không tương ứng với pháp trí, đó là pháp trí không thấu nhiếp pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi.

Như pháp trí đối với phần sau, loại trí đối với phần sau cũng vậy.

